

- * -
Số: *1145*/QĐ-ĐHI-TCCB

Hà Nội, ngày 22/tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA HIỆU TRƯỞNG

(V/v Công nhận và thưởng tiền danh hiệu LĐTT năm học 2003-2004)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

- Căn cứ Quyết định số 01NN/QĐ ngày 4/2/1965 của Bộ Nông nghiệp về việc thành lập Trường Đại học Nông nghiệp và Quyết định số 124 CP ngày 14/8/1967 của Hội đồng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp thành trường Đại học Nông nghiệp I.
- Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP, ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;
- Căn cứ Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Quyết định số 153/2003/TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành "Điều lệ trường đại học".
- Căn cứ Thông tư số: 14/1999/TT/BGD&ĐT, ngày 22/3/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/1998NĐ-CP, ngày 30/7/2001 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 25/2001/TT-BTC, ngày 16/4/2001 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ khen thưởng thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua khen thưởng trường;
- Xét đề nghị của ông trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2003-2004 đối với 571 cán bộ nhân viên của trường có tên trong danh sách kèm theo sau;

Điều 2 : Các cán bộ nhân viên có tên được thưởng mức tiền thưởng là 100.000 đồng/1 người;

Tổng số tiền thưởng: 571 người x 100.000 đồng = 57.100.000 đồng (năm bảy triệu một trăm ngàn đồng) được trích từ quỹ khen thưởng của trường;

Điều 3 : Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 4 : Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HCKH-VT, Tài vụ, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

Nơi nhận :

- Như điều 4
- Lưu: VTHC, TC



68.15 *Dương Vũ Thịnh*

DANH SÁCH DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2003-2004
(Đính kèm Quyết định số: 1145/QĐ ngày 22/11/2004)

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
1	Vũ Triệu	Mân	1943	Nông học	B.Cây	100.000	
2	Ngô Bích	Hảo	1956	Nông học	B.Cây	100.000	
3	Đỗ Tấn	Dũng	1955	Nông học	B.Cây	100.000	
4	Ngô Thị	Xuyên	1955	Nông học	B.Cây	100.000	
5	Ng Thị Hằng	Nga	1966	Nông học	B.Cây	100.000	
6	Nguyễn Văn	Khoát	1963	Nông học	CCN	100.000	
7	Tăng Thị	Năm	1949	Nông học	CCN	100.000	
8	Nguyễn Thế	Côn	1945	Nông học	CCN	100.000	
9	Bùi Thị	Tĩnh	1949	Nông học	CCN	100.000	
10	Bùi Xuân	Sửu	1955	Nông học	CCN	100.000	
11	Nguyễn Đình	Vinh	1955	Nông học	CCN	100.000	
12	Vũ Ngọc	Thắng	1977	Nông học	CCN	100.000	
13	Ngô Thị	Nguyệt	1965	Nông học	CLT	100.000	
14	Bùi Thế	Hùng	1944	Nông học	CLT	100.000	
15	Tăng Thị	Hạnh	1975	Nông học	CLT	100.000	
16	Nguyễn Thị	Thủy	1966	Nông học	C.Trùng	100.000	
17	Nguyễn Viết	Tùng	1941	Nông học	C.Trùng	100.000	
18	Lê Xuân	Thiện	1944	Nông học	C.Trùng	100.000	
19	Nguyễn Minh	Mẫu	1952	Nông học	C.Trùng	100.000	
20	Ng Thị Kim	Oanh	1955	Nông học	C.Trùng	100.000	
21	Đặng Thị	Dung	1952	Nông học	C.Trùng	100.000	
22	Hồ Thị Thu	Giang	1967	Nông học	C.Trùng	100.000	
23	Nguyễn Chu	Duân	1954	Nông học	D.Tằm	100.000	
24	Nguyễn Văn	Long	1946	Nông học	D.Tằm	100.000	
25	Nguyễn Huy	Trí	1949	Nông học	D.Tằm	100.000	
26	Bùi Thị	Điểm	1956	Nông học	D.Tằm	100.000	
27	Trần Thị	Ngọc	1957	Nông học	D.Tằm	100.000	
28	Lê Thị Tuyết	Châm	1979	Nông học	DT Giống	100.000	
29	Lê Chí	Dân	1957	Nông học	DT.Giống	100.000	
30	Vũ Văn	Liết	1954	Nông học	DT.Giống	100.000	
31	Ng Thị Bích	Hồng	1978	Nông học	DT Giống	100.000	
32	Nông Thị Mai	Phương	1962	Nông học	R-H-Q	100.000	
33	Hoàng Ngọc	Thuận	1944	Nông học	R-H-Q	100.000	
34	Hồ Hữu	An	1950	Nông học	R-H-Q	100.000	
35	Phạm Thị	Hương	1957	Nông học	R-H-Q	100.000	
36	Lê Thị	Thắm	1962	Nông học	R-H-Q	100.000	
37	Vũ Thanh	Hải	1975	Nông học	R-H-Q	100.000	
38	Ng Thị Bạch	Yến	1960	Nông học	SLTV	100.000	
39	Vũ Quang	Sáng	1950	Nông học	SLTV	100.000	
40	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1957	Nông học	SLTV	100.000	
41	Trần Anh	Tuấn	1974	Nông học	SLTV	100.000	
42	Phạm Tiến	Dũng	1953	Nông học	CNSH-PPTN	100.000	
43	Ng Thị Phương	Thảo	1974	Nông học	CNSH-PPTN	100.000	
44	Ng Thị Lâm	Hải	1979	Nông học	CNSH-PPTN	100.000	
45	Vũ Thị	Phan	1957	Nông học	Thực vật	100.000	
46	Phạm Thị Như	Nghĩa	1953	Nông học	Thực vật	100.000	
47	Nguyễn Hạnh	Hoa	1963	Nông học	Thực vật	100.000	
48	Đồng Huy	Giới	1972	Nông học	Thực vật	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
49	Nguyễn Hữu	Cường	1976	Nông học	Thực vật	100.000	
50	Lê Thị Bích	Liên	1958	Nông học	V.P-NH	100.000	
51	Nguyễn Thị	Thủy B	1960	Nông học	V.P-NH	100.000	
52	Hoàng Ngọc	Hiếu	1959	Nông học	V.P-NH	100.000	
53	Đặng Văn	Đỉnh	1960	Nông học	V.P-NH	100.000	
54	Lê Văn	Sơn	1963	Nông học	V.P-NH	100.000	
				Nông học Total		5400.000	
55	Lê Văn	Ban	1950	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
56	Phạm Quang	Hùng	1947	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
57	Nguyễn Thị	Mai	1953	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
58	Đinh Thị	Nông	1950	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
59	Nguyễn Văn	Thắng	1957	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
60	Mai Thị	Thơm	1955	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
61	Vũ Đình	Tôn	1958	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
62	Nguyễn Thị	Tú	1960	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
63	Trần	Hiệp	1976	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
64	Nguyễn Thị	Nhã	1949	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
65	Nguyễn Hải	Quân	1942	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
66	Phan Liên	Phương	1949	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
67	Phan Xuân	Hảo	1964	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
68	Đỗ Đức	Lực	1970	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
69	Nguyễn Chí	Thành	1977	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
70	Phan Văn	Lục	1945	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
71	Lê Thị Tuyết	Minh	1949	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
72	Ng Thị Bình	Tâm	1951	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
73	Lại Thị	Cúc	1954	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
74	Trần Văn	Quyên	1951	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
75	Nguyễn Văn	Thọ	1954	Chăn nuôi Thú y	KST-VSGS	100.000	
76	Nguyễn Văn	Hải	1962	Chăn nuôi Thú y	Bệnh viện TY	100.000	
77	Phạm Thị	Khánh	1955	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
78	Phan Thị Bích	Thục	1949	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
79	Lê Thị Ngọc	Diệp	1953	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
80	Bùi Thị	Tho	1954	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
81	Đào Công	Duẩn	1975	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
82	Đàm Văn	Phải	1979	Chăn nuôi Thú y	NC-DL	100.000	
83	Sử Thanh	Long	1971	Chăn nuôi Thú y	Ngoại sản	100.000	
84	Trần Tiến	Dũng	1948	Chăn nuôi Thú y	Ngoại sản	100.000	
85	Nguyễn Văn	Thanh	1954	Chăn nuôi Thú y	Ngoại sản	100.000	
86	Phạm Thị	Tâm	1952	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
87	Vũ Thị	Hiển	1957	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
88	Dương Thị Kim	Quy	1954	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
89	Đỗ Văn	Chứng	1944	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
90	Lê Mạnh	Dũng	1953	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
91	Nguyễn Văn	Kiệm	1949	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
92	Ng Thị Thanh	Hà	1957	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
93	Nguyễn Bá	Mùi	1956	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
94	Đặng Thái	Hải	1960	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
95	Nguyễn Thị	Nguyệt	1967	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
96	Phạm Kim	Đặng	1972	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
97	Cù Thị Thiên	Thu	1979	Chăn nuôi Thú y	SL-SH-ĐV	100.000	
98	Vũ Duy	Giảng	1940	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
99	Ng Thị Lương	Hồng	1946	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
100	Tôn Thất	Sơn	1950	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
101	Đỗ Thị	Tám	1949	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
102	Nguyễn Bách	Việt	1950	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
103	Võ Quí	Hoan	1958	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
104	Bùi Quang	Tuấn	1959	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
105	Ng Thị Kim	Thoa	1959	Chăn nuôi Thú y	TC-GP-PT	100.000	
106	Đỗ Đức	Việt	1944	Chăn nuôi Thú y	TC-GP-PT	100.000	
107	Phạm Văn	Tự	1950	Chăn nuôi Thú y	TC-GP-PT	100.000	
108	Nguyễn Thị	Hoa	1949	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
109	Trương	Quang	1948	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
110	Nguyễn Bá	Hiên	1954	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
111	Trần Thị Lan	Hương	1954	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
112	Ng Thị Thanh	Nhàn	1966	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
113	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	1973	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
114	Trương Hà	Thái	1978	Chăn nuôi Thú y	VSV-TN-BL	100.000	
115	Lê Văn	Muôn	1958	Chăn nuôi Thú y	V.P-CNTY	100.000	
116	Nguyễn Thị	Xuân	1949	Chăn nuôi Thú y	V.P-CNTY	100.000	
117	Nguyễn Thị	Xuyên	1959	Chăn nuôi Thú y	Trại CN	100.000	
118	Vũ Hồng	Châu	1957	Chăn nuôi Thú y	Trại CN	100.000	
119	Vũ Thị Thuý	Hằng	1979	Chăn nuôi Thú y	CNCK	100.000	
120	Ng Thị Châu	Giang	1981	Chăn nuôi Thú y	DTG	100.000	
121	Bùi Thị	Bích	1980	Chăn nuôi Thú y	TA-VSV-ĐC	100.000	
122	Bùi Văn	Định	1956	Chăn nuôi Thú y	Trại CN	100.000	
				Chăn nuôi Thú y Total		6800.000	
123	Ngô Xuân	Bắc	1954	Đất và MT	Hoá	100.000	
124	Nguyễn Thị	Thực	1951	Đất và MT	Hoá	100.000	
125	Nguyễn Văn	Thắng	1962	Đất và MT	Hoá	100.000	
126	Nguyễn Tiến	Quý	1944	Đất và MT	Hoá	100.000	
127	Trần Văn	Chiến	1947	Đất và MT	Hoá	100.000	
128	Đình Văn	Hùng	1948	Đất và MT	Hoá	100.000	
129	Dương Văn	Đảm	1946	Đất và MT	Hoá	100.000	
130	Võ Văn	Cầu	1952	Đất và MT	Hoá	100.000	
131	Nguyễn Thị	Chắc	1953	Đất và MT	Hoá	100.000	
132	Đỗ Thị	Hòa	1951	Đất và MT	Hoá	100.000	
133	Lê Thị	Hợp	1950	Đất và MT	Hoá	100.000	
134	Hoàng Thị Thu	Hương	1953	Đất và MT	Hoá	100.000	
135	Bùi Thế	Vĩnh	1951	Đất và MT	Hoá	100.000	
136	Ng Thị Hồng	Linh	1958	Đất và MT	Hoá	100.000	
137	Trương Thị	My	1954	Đất và MT	Hoá	100.000	
138	Phan Trung	Quý	1954	Đất và MT	Hoá	100.000	
139	Trần Văn	Chính	1950	Đất và MT	KH đất	100.000	
140	Nguyễn Hữu	Thành	1955	Đất và MT	KH đất	100.000	
141	Trần Thị Lệ	Hà	1974	Đất và MT	KH đất	100.000	
142	Nguyễn Văn	Hiên	1957	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
143	Võ Thị Ngọc	Bích	1962	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
144	Lê Thị Hồng	Xuân	1957	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
145	Lê Thị Bích	Đào	1955	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
146	Vũ Thị	Hoàn	1979	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
147	Nguyễn Thu	Hà	1980	Đất và MT	NH-VSV	100.000	
148	Nguyễn Tất	Tổ	1955	Đất và MT	TN-CT	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
149	Phạm Ngọc	Dũng	1942	Đất và MT	TN-CT	100.000	
150	Chu Anh	Tiếp	1975	Đất và MT	TN-CT	100.000	
151	Đoàn Công	Quỳ	1955	Đất và MT	QH đất	100.000	
152	Nguyễn Quang	Học	1961	Đất và MT	QH đất	100.000	
153	Đỗ Văn	Nhà	1973	Đất và MT	QH đất	100.000	
154	Hoàng Văn	Đức	1952	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
155	Nguyễn Thanh	Trà	1954	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
156	Nguyễn Văn	Quân	1972	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
157	Phạm Văn	Vân	1972	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
158	Nguyễn Thị	Khánh	1960	Đất và MT	Địa chính	100.000	
159	Đàm Xuân	Hoàn	1947	Đất và MT	Địa chính	100.000	
160	Nguyễn Khắc	Thời	1954	Đất và MT	Địa chính	100.000	
161	Nguyễn Đình	Công	1974	Đất và MT	Địa chính	100.000	
162	Trần Trọng	Phương	1973	Đất và MT	Địa chính	100.000	
163	Phạm Văn	Phê	1945	Đất và MT	STMT	100.000	
164	Đoàn Văn	Điểm	1951	Đất và MT	STMT	100.000	
165	Trần Danh	Thìn	1952	Đất và MT	STMT	100.000	
166	Ngô Thế	Ăn	1972	Đất và MT	STMT	100.000	
167	Ng Thị Bích	Yên	1973	Đất và MT	STMT	100.000	
168	Nguyễn Thị	Hồng	1970	Đất và MT	STMT	100.000	
169	Phạm Bích	Tuấn	1972	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
170	Nguyễn Thị	Lịch	1978	Đất và MT	QLĐĐ	100.000	
			Đất và MT Total			4800.000	
171	Phạm Thị	Bình	1955	Cơ Điện	CHKT	100.000	
172	Trần Tuấn	Hiệp	1953	Cơ Điện	CHKT	100.000	
173	Hoàng Thị	Chắt	1956	Cơ Điện	CHKT	100.000	
174	Trần Huy	Sùng	1957	Cơ Điện	CHKT	100.000	
175	Phạm Phương	Nam	1966	Cơ Điện	CHKT	100.000	
176	Ng Thị Hoài	Sơn	1956	Cơ Điện	Điện KT	100.000	
177	Ngô Thị	Tuyến	1956	Cơ Điện	Điện KT	100.000	
178	Lê Huy	Thương	1955	Cơ Điện	Điện KT	100.000	
179	Nguyễn Văn	Đạt	1959	Cơ Điện	Điện KT	100.000	
180	Phạm Việt	Sơn	1959	Cơ Điện	Điện KT	100.000	
181	Phạm Thanh	Cường	1960	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
182	Hoàng Đình	Hiếu	1942	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
183	Nguyễn Văn	Nghĩa	1949	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
184	Tống Ngọc	Tuấn	1962	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
185	Nguyễn Đình	Tùng	1974	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
186	Trần Như	Khuyên	1954	Cơ Điện	MNN	100.000	
187	Hà Đức	Thái	1951	Cơ Điện	MNN	100.000	
188	Hoàng Xuân	Anh	1974	Cơ Điện	MNN	100.000	
189	Ng Thị Thanh	Loan	1978	Cơ Điện	MNN	100.000	
190	Hoàng Thị Thanh	Xuân	1958	Cơ Điện	Động lực	100.000	
191	Bùi Hải	Triều	1953	Cơ Điện	Động lực	100.000	
192	Hàn Trung	Dũng	1958	Cơ Điện	Động lực	100.000	
193	Trương Thị	Toàn	1957	Cơ Điện	Động lực	100.000	
194	Nguyễn Ngọc	Quế	1953	Cơ Điện	Động lực	100.000	
195	Vũ Kim	Thành	1948	Cơ Điện	Toán	100.000	
196	Ngô Thị	Thục	1949	Cơ Điện	Toán	100.000	
197	Lê Đức	Vinh	1951	Cơ Điện	Toán	100.000	
198	Nguyễn Thị Kim	Bình	1956	Cơ Điện	Toán	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
199	Nguyễn Văn	Định	1953	Cơ Điện	Toán	100.000	
200	Phạm Thị Minh	Trường	1951	Cơ Điện	Toán	100.000	
201	Bùi Nguyên	Viễn	1958	Cơ Điện	Toán	100.000	
202	Đỗ Thị	Huệ	1975	Cơ Điện	Toán	100.000	
203	Trần Kim	Anh	1975	Cơ Điện	Toán	100.000	
204	Phạm Việt	Nga	1979	Cơ Điện	Toán	100.000	
205	Ng Thị Minh	Tâm	1979	Cơ Điện	Toán	100.000	
206	Đỗ Đăng	Bảy	1950	Cơ Điện	Lý	100.000	
207	Nguyễn Thị	Phương	1976	Cơ Điện	Lý	100.000	
208	Bùi Thị	Thu	1976	Cơ Điện	Lý	100.000	
209	Hồ Thị Hồng	Lan	1961	Cơ Điện	Lý	100.000	
210	Hoàng Thị	Thía	1951	Cơ Điện	CN cơ khí	100.000	
211	Dương Thị	Oanh	1955	Cơ Điện	Xưởng	100.000	
212	Nguyễn Xuân	Sáng	1950	Cơ Điện	Xưởng	100.000	
213	Đặng Văn	Truyền	1952	Cơ Điện	Xưởng	100.000	
214	Đặng Đình	Trình	1956	Cơ Điện	Xưởng	100.000	
215	Vũ Thị	Mai	1957	Cơ Điện	Điện SD	100.000	
216	Phan Văn	Lập	1977	Cơ Điện	Điện SD	100.000	
217	Phạm Văn	Học	1947	Cơ Điện	Trung tâm	100.000	
218	Trần Thị	Vân	1959	Cơ Điện	VP-Bvệ	100.000	
				Cơ Điện Total		4800.000	
219	Vi Văn	Năng	1952	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
220	Vũ Thị Phương	Thụy	1957	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
221	Nguyễn Thị	Vang	1954	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
222	Lương Xuân	Chính	1953	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
223	Lê Bá	Chức	1952	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
224	Nguyễn Văn	Song	1958	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
225	Nguyễn Mậu	Dũng	1973	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
226	Đỗ Thị	Năng	1974	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
227	Nguyễn Thị Thu	Hương	1978	Kinh tế & PTNT	Kinh tế	100.000	
228	Dương Văn	Hiếu	1951	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
229	Nguyễn Xuân	Tin	1948	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
230	Đinh Văn	Đấn	1952	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
231	Mai Thanh	Cúc	1958	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
232	Ng Thị Tuyết	Lan	1960	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
233	Ng Thị Minh	Hiển	1970	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
234	Nguyễn Phương	Lê	1973	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
235	Nguyễn Viết	Đăng	1975	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
236	Đỗ Kim	Chung	1956	Kinh tế & PTNT	PTNT	100.000	
237	Nguyễn Quốc	Oánh	1968	Kinh tế & PTNT	CTCT&CTSV	100.000	
238	Phạm Thị Mỹ	Dung	1948	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
239	Lê Thị Minh	Châu	1974	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
240	Đỗ Quang	Giám	1972	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
241	Vũ Ngọc	Huyền	1977	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
242	Trần Quang	Trung	1974	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
243	Ngô Thị Thu	Hằng	1979	Kinh tế & PTNT	Kế toán	100.000	
244	Trần Đình	Thao	1958	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
245	Nguyễn Thị	Nhuần	1960	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
246	Tô Dũng	Tiến	1941	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
247	Nguyễn Mộng	Kiểu	1944	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
248	Đặng Xuân	Lợi	1951	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
249	Lê Khắc	Bộ	1972	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
250	Tô Thế	Nguyên	1977	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
251	Đỗ Trường	Lâm	1979	Kinh tế & PTNT	KT lượng	100.000	
252	Hoàng Ngọc	Bích	1949	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
253	Bùi Thị	Gia	1951	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
254	Đỗ Thành	Xương	1951	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
255	Đặng Văn	Tiến	1952	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
256	Phạm Thị Minh	Nguyệt	1955	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
257	Nguyễn Quốc	Chỉnh	1962	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
258	Nguyễn Anh	Trụ	1978	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
259	Trần Thị Thu	Hương	1979	Kinh tế & PTNT	QTKD	100.000	
260	Tống Phương	Anh	1971	Kinh tế & PTNT	VP-KTế	100.000	
261	Nguyễn Thị	Hương	1963	Kinh tế & PTNT	VP-KTế	100.000	
262	Lê Ngọc	Hương	1970	Kinh tế & PTNT	VP-KTế	100.000	
				Kinh tế & PTNT Total		4400.000	
263	Lê Thị Kim	Thanh	1974	Mác Lê nin	KTCT	100.000	
264	Ngô Trung	Thành	1977	Mác Lê nin	KTCT	100.000	
265	Ng Thị Thu	Hà	1976	Mác Lê nin	KTCT	100.000	
266	Hoàng Văn	Bình	1953	Mác Lê nin	LSĐ	100.000	
267	Trần Lê	Thanh	1968	Mác Lê nin	LSĐ	100.000	
268	Ng Thị Hoài	Hương	1969	Mác Lê nin	LSĐ	100.000	
269	Tạ Quang	Giảng	1976	Mác Lê nin	LSĐ	100.000	
270	Nguyễn Thanh	Thế	1951	Mác Lê nin	Triết	100.000	
271	Lê Thị	Ngân	1960	Mác Lê nin	Triết	100.000	
272	Phan Thu	Thuỷ	1971	Mác Lê nin	Triết	100.000	
273	Ng Thị Thanh	Minh	1974	Mác Lê nin	Triết	100.000	
274	Nguyễn Thị Kim	Chung	1974	Mác Lê nin	Triết	100.000	
275	Nguyễn Đắc	Dũng	1976	Mác Lê nin	Triết	100.000	
276	Lê Văn	Bình	1972	Mác Lê nin	Luật	100.000	
277	Vũ Văn	Tuấn	1973	Mác Lê nin	Luật	100.000	
278	Trịnh Thị Ngọc	Anh	1972	Mác Lê nin	Luật	100.000	
279	Lê Thị Thu	Hằng	1979	Mác Lê nin	Luật	100.000	
				Mác Lê nin Total		1700.000	
280	Đỗ Thế	Bảo	1952	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
281	Phạm Thị Kim	Phú	1954	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
282	Lê Năng	Văn	1951	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
283	Vũ Thị Minh	Châu	1959	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
284	Phạm Thị	Hằng	1956	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
285	Cao Thị Ngọc	Mậu	1958	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
286	Ngô Thị Thanh	Tâm	1966	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
287	Phạm Thị Tuyết	Thanh	1975	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
288	Hà Thị	Lan	1975	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
289	Ng Thị Bích	Ngọc	1965	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
290	Nguyễn Thị	Nga	1958	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
291	Lê Thị Thu	Hiển	1976	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
292	Trần Hoài	Nam	1977	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
293	Nguyễn Thị Kim	Quế	1976	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
294	Ng Thị Minh	Tâm	1976	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
295	Đỗ Hải	Hoàn	1980	Sư phạm kỹ thuật	Ng.Ngữ	100.000	
296	Nguyễn Thị	The	1952	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
297	Nguyễn Đăng	Thiện	1966	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
298	Nguyễn Xuân	Cử	1974	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
299	Hoàng Đức	Vĩnh	1973	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
300	Cao Hùng	Dũng	1972	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
301	Nguyễn Ninh	Thành	1962	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
302	Đỗ Mộng	Ngọc	1943	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
303	Phạm Thị	Thành	1948	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
304	Lê Thị Kim	Lan	1979	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
305	Nguyễn Văn	Quảng	1979	Sư phạm kỹ thuật	GDTC	100.000	
306	Ngô Công	Thắng	1976	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
307	Trần Thị Thu	Huyền	1977	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
308	Hoàng Thị	Hà	1978	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
309	Phạm Thuỷ	Vân	1979	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
310	Phạm Quang	Dũng	1980	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
311	Đặng Xuân	Hà	1980	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
312	Thân Thị	Huyền	1980	Sư phạm kỹ thuật	Tin học	100.000	
313	Trương Thị	Hoa	1974	Sư phạm kỹ thuật	Tâm lý và PPGD	100.000	
314	Nguyễn Huyền	Thương	1975	Sư phạm kỹ thuật	Tâm lý và PPGD	100.000	
315	Nguyễn Tất	Thắng	1977	Sư phạm kỹ thuật	Tâm lý và PPGD	100.000	
				Sư phạm kỹ thuật Total		3600.000	
316	Nguyễn Hoàng	Anh	1978	Công nghệ thực phẩm	HS-CN sinh học TP	100.000	
317	Nguyễn Văn	Lâm	1978	Công nghệ thực phẩm	HS-CN sinh học TP	100.000	
318	Hoàng Thị Minh	Tâm	1961	Công nghệ thực phẩm	CN Chế biến	100.000	
319	Trần Thị Thu	Hằng	1978	Công nghệ thực phẩm	CN Chế biến	100.000	
320	Nguyễn Thị Mai	Hoa	1957	Công nghệ thực phẩm	CN Sau thu hoạch	100.000	
321	Nguyễn Mạnh	Khải	1954	Công nghệ thực phẩm	CN Sau thu hoạch	100.000	
322	Hoàng Đình	Tùng	1957	Công nghệ thực phẩm	CN Sau thu hoạch	100.000	
323	Giang Trung	Khoa	1973	Công nghệ thực phẩm	TP và Dinh dưỡng	100.000	
324	Lê Thị Thu	Nhàn	1974	Công nghệ thực phẩm	CN Chế biến	100.000	
				Công nghệ thực phẩm Total		900.000	
325	Hoàng Hải	Hà	1972	Viện SHNN		100.000	
326	Trần Văn	Đích	1952	Viện SHNN		100.000	
327	Nguyễn Xuân	Trường	1973	Viện SHNN		100.000	
328	Trần Văn	Quang	1973	Viện SHNN		100.000	
329	Ng Thị Phương	Hoa	1978	Viện SHNN		100.000	
330	Hoàng Thị	Nga	1971	Viện SHNN		100.000	
331	Vũ Ngọc	Lan	1972	Viện SHNN		100.000	
332	Trương Văn	Trọng	1969	Viện SHNN		100.000	
333	Nguyễn Thị	Việt	1976	Viện SHNN		100.000	
334	Đinh Trường	Sơn	1977	Viện SHNN		100.000	
335	Phạm Thị	Yến	1972	Viện SHNN		100.000	
336	Nguyễn Thị	Khánh	1970	Viện SHNN		100.000	
337	Nguyễn Văn	Mười	1976	Viện SHNN		100.000	
338	Trần Thị Thanh	Minh	1979	Viện SHNN		100.000	
339	Nguyễn Thị	Hương	1978	Viện SHNN		100.000	
340	Phạm Thị Hồng	Nga	1977	Viện SHNN		100.000	
341	Nguyễn Xuân	Bắc	1978	Viện SHNN		100.000	
342	Nguyễn Thị	Liên	1982	Viện SHNN		100.000	
343	Nguyễn Thị	Hương	1980	Viện SHNN		100.000	
344	Vũ Thị	Hoài	1980	Viện SHNN		100.000	
				Viện SHNN Total		2000.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
345	Nguyễn Thị	Tuyết	1956	Khoa Sau đại học		100.000	
346	Vũ Thị	Dân	1969	Khoa Sau đại học		100.000	
347	Phạm Ngọc	Thụy	1946	Khoa Sau đại học		100.000	
348	Lê Hữu	ảnh	1957	Khoa Sau đại học		100.000	
349	Nguyễn Văn	Phơ	1979	Khoa Sau đại học		100.000	
				Khoa Sau đại học Total		500.000	
350	Đình Sơn	Quang	1974	Quản lý KH-QHQT		100.000	
351	Võ Kim	Oanh	1959	Quản lý KH-QHQT		100.000	
352	Đỗ Huy	Thục	1950	Quản lý KH-QHQT		100.000	
353	Lê Huỳnh Thanh	Phương	1967	Quản lý KH-QHQT		100.000	
354	Lê Thị	Minh	1962	Quản lý KH-QHQT		100.000	
355	Nguyễn Xuân	Minh	1962	Quản lý KH-QHQT		100.000	
356	Nguyễn T. Tuyết	Dung	1964	Quản lý KH-QHQT		100.000	
357	Nguyễn Thị	Minh	1966	Quản lý KH-QHQT		100.000	
358	Trần Thị Thanh	Phương	1976	Quản lý KH-QHQT		100.000	
				Quản lý KH-QHQT Total		900.000	
359	Quyển Đình	Hà	1953	Tài vụ		100.000	
360	Vũ Đình	Tâm	1964	Tài vụ		100.000	
361	Phạm Thị	Hiển	1961	Tài vụ		100.000	
362	Vũ Khắc	Hòa	1957	Tài vụ		100.000	
363	Nguyễn Xuân	Tiến	1952	Tài vụ		100.000	
				Tài vụ Total		500.000	
364	Nguyễn Thị	Thuỷ	1954	Tổ chức cán bộ		100.000	
365	Nguyễn Huy	Cường	1955	Tổ chức cán bộ		100.000	
366	Nguyễn Ích	Tân	1957	Tổ chức cán bộ		100.000	
367	Bùi Thị Kim	Vân	1969	Tổ chức cán bộ		100.000	
368	Lê Ngọc	Tú	1976	Tổ chức cán bộ		100.000	
				Tổ chức cán bộ Total		500.000	
369	Hoàng Văn	Sỹ	1957	Đào tạo		100.000	
370	Nguyễn Duy	Thanh	1952	Đào tạo		100.000	
371	Nguyễn Thị	Mai	1956	Đào tạo		100.000	
372	Nguyễn Viết	Hải	1950	Đào tạo		100.000	
373	Nguyễn Minh	Tiến	1957	Đào tạo		100.000	
374	Dương Chí	Dũng	1957	Đào tạo		100.000	
375	Hoàng Ngọc	Huyền	1963	Đào tạo		100.000	
376	Lê Thị Hoàng	Yến	1956	Đào tạo		100.000	
377	Dương Thị	Thường	1960	Đào tạo		100.000	
378	Nguyễn Xuân	Mai	1952	Đào tạo		100.000	
379	Ng Thị Thanh	Tâm	1973	Đào tạo		100.000	
380	Nguyễn Khánh	Thọ	1978	Đào tạo		100.000	
				Đào tạo Total		1200.000	
381	Phạm Quyết	Chiến	1948	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
382	Nguyễn Thị Hà	Nam	1973	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
383	Cam Thị	Lượng	1959	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
384	Nguyễn Ngọc	Kính	1957	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
385	Trần Tất	Nhật	1976	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
386	Bùi Đình	Phiêu	1955	HCKH-VT	TBVT	100.000	
387	Hồ Hồng	Thái	1958	HCKH-VT	TBVT	100.000	
388	Lê Thị	Lan	1950	HCKH-VT	TBVT	100.000	
389	Trần Hồng	Nhật	1966	HCKH-VT	TBVT	100.000	
390	Hoàng Ngọc	Lâm	1961	HCKH-VT	Đội xe	100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
391	Dương Trọng	Hảo	1945	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
392	Trần Văn	Hải	1958	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
393	Ngô Văn	Tuấn	1957	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
394	Bùi Trung	Lương	1960	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
395	Nguyễn Huy	Thế	1948	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
396	Phạm Quốc	Việt	1975	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
397	Nguyễn Di	Tuấn	1976	HCKH-VT	Đội xe	100.000	
398	Trần	Hanh	1967	HCKH-VT	TBVT	100.000	
399	Chữ Thị Thu	Huyền	1975	HCKH-VT	VT-HC	100.000	
				HCKH-VT Total		1900.000	
400	Vũ Hồng	Sơn	1947	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
401	Lê Thị	Hồng	1952	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
402	Lưu Thị	Náy	1956	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
403	Vũ Văn	Phê	1952	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
404	Lê Thị	Vân	1958	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
405	Nguyễn Thị	Lý H	1960	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
406	Trần Thị	Nga	1959	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
407	Nguyễn Hồng	Thuy A	1962	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
408	Lưu Thị	Túy	1959	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
409	Nguyễn Văn	Lơ	1961	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
410	Dương Văn	Nhíp	1951	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
411	Ngô Văn	Trạm	1952	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
412	Trần Văn	Bình	1945	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
413	Dương Mạnh	Đức	1952	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
414	Nguyễn Tô	Vũ	1960	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
415	Phạm Thị	Thanh	1956	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
416	Bùi Duy	Sơn	1955	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
417	Nguyễn Thị	Hà	1957	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
418	Phùng Kim	Thoa	1960	Quản trị	VP-GĐ	100.000	
419	Nguyễn Thị	Bắc	1953	Quản trị	VSMT	100.000	
420	Lê Thị	Chiến	1959	Quản trị	VSMT	100.000	
421	Nguyễn Thị	Nhiên	1955	Quản trị	VSMT	100.000	
422	Nguyễn Thị	Tức	1959	Quản trị	VSMT	100.000	
423	Đào Thị	Tươi	1954	Quản trị	VSMT	100.000	
424	Nguyễn Quốc	Hoàng	1961	Quản trị	VSMT	100.000	
425	Nguyễn Văn	Mạnh	1961	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
426	Nguyễn Văn	Thách	1957	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
427	Nguyễn Thanh	Hải	1963	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
428	Nguyễn Đức	Quang	1963	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
429	Hồ Bắc	Sơn	1956	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
430	Đặng Bá	Chính	1966	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
431	Đỗ Văn	Khoáng	1953	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
432	Võ Văn	Nam	1972	Quản trị	Đ.Nước	100.000	
433	Lê Văn	Bằng	1953	Quản trị	M.Né	100.000	
434	Nguyễn Huy	Tưởng	1953	Quản trị	M.Né	100.000	
435	Hoàng Tiến	Nhật	1959	Quản trị	M.Né	100.000	
436	Nguyễn Văn	Bản	1953	Quản trị	M.Né	100.000	
437	Nguyễn Đức	Lâu	1962	Quản trị	M.Né	100.000	
				Quản trị Total		3800.000	
438	Nguyễn Ngọc	Can	1949	CTCT-CTSV		100.000	
439	Lê Thị Bích	Liên	1961	CTCT-CTSV		100.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
440	Bùi Trung	Sơn	1964	CTCT-CTSV		100.000	
441	Nguyễn Đỗ	Thảo	1963	CTCT-CTSV		100.000	
442	Nguyễn Hồng	Quang	1946	CTCT-CTSV		100.000	
443	Nguyễn Văn	Bốp	1944	CTCT-CTSV		100.000	
444	Nguyễn Hồng	Lạng	1954	CTCT-CTSV		100.000	
445	Ng Thị Việt	Anh	1960	CTCT-CTSV		100.000	
446	Ng Thị Bích	Hạnh	1963	CTCT-CTSV		100.000	
447	Hoàng Thị	Tuyết	1958	CTCT-CTSV		100.000	
448	Nguyễn Năng	Bình	1959	CTCT-CTSV		100.000	
449	Nguyễn Văn	Năm	1962	CTCT-CTSV		100.000	
450	Nguyễn Quang	Phong	1963	CTCT-CTSV		100.000	
451	Đoàn Tử	Duẩn	1967	CTCT-CTSV		100.000	
452	Phan Thị Hồng	Hà	1955	CTCT-CTSV		100.000	
453	Nguyễn Văn	Thiện	1964	CTCT-CTSV		100.000	
454	Vũ Công	Minh	1948	CTCT-CTSV		100.000	
455	Bùi Hữu	Đoàn	1956	CTCT-CTSV		100.000	
456	Nguyễn Thị	Cúc	1964	CTCT-CTSV		100.000	
457	Lê Trường	Giang	1966	CTCT-CTSV		100.000	
458	Nguyễn Thị	Tuyết	1951	CTCT-CTSV		100.000	
459	Nguyễn Thị	Châu	1958	CTCT-CTSV		100.000	
460	Nguyễn Thu	Hằng	1977	CTCT-CTSV		100.000	
461	Hoàng Thị	Hương	1977	CTCT-CTSV		100.000	
462	Nguyễn Anh	Tuấn	1976	CTCT-CTSV		100.000	
463	Nguyễn Mạnh	Thước	1971	CTCT-CTSV		100.000	
464	Vũ Thị	Chung	1966	CTCT-CTSV		100.000	
465	Nguyễn Thị	Nghi	1960	CTCT-CTSV		100.000	
				CTCT-CTSV Total		2800.000	
466	Trần Văn	Vũ	1952	Thông tin Thư viện		100.000	
467	Phùng Thị	Mão	1951	Thông tin Thư viện		100.000	
468	Nguyễn Thị	Hương	1951	Thông tin Thư viện		100.000	
469	Nguyễn Viết	Quynh	1955	Thông tin Thư viện		100.000	
470	Nguyễn Thị Kim	Minh	1959	Thông tin Thư viện		100.000	
471	Phạm Thị Hồng	Nhung	1961	Thông tin Thư viện		100.000	
472	Đào Duy	Thứ	1948	Thông tin Thư viện		100.000	
473	Nguyễn Văn	Hành	1960	Thông tin Thư viện		100.000	
474	Nguyễn Thị	Mưa	1952	Thông tin Thư viện		100.000	
475	Nguyễn Ngọc	ánh	1962	Thông tin Thư viện		100.000	
476	Lưu Thị	Hải	1958	Thông tin Thư viện		100.000	
477	Bùi Thị	Hương	1964	Thông tin Thư viện		100.000	
478	Lê Thị Kim	Phương	1966	Thông tin Thư viện		100.000	
479	Nguyễn Viết	Duy	1954	Thông tin Thư viện		100.000	
480	Nguyễn Hữu	Ty	1950	Thông tin Thư viện		100.000	
481	Trần Thị	Huyền	1974	Thông tin Thư viện		100.000	
482	Mẫn Quang	Huy	1973	Thông tin Thư viện		100.000	
483	Phan Văn	Đồng	1977	Thông tin Thư viện		100.000	
484	Lê Thị Bích	Liên	1978	Thông tin Thư viện		100.000	
485	Nguyễn Thị	Phụng	1977	Thông tin Thư viện		100.000	
486	Nguyễn Việt	Dũng	1975	Thông tin Thư viện		100.000	
487	Nguyễn Trọng	Trung	1978	Thông tin Thư viện		100.000	
				Thông tin Thư viện Total		2200.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị		Tiền thưởng	Ký nhận
488	Trịnh Đăng	Lạc	1952	Bảo vệ		100.000	
489	Nguyễn Ngọc	ánh	1960	Bảo vệ		100.000	
490	Nguyễn Huy	Biếm	1957	Bảo vệ		100.000	
491	Nguyễn Doãn	Quỳnh	1954	Bảo vệ		100.000	
492	Đỗ Xuân	Thấm	1963	Bảo vệ		100.000	
493	Nguyễn Văn	Thành	1954	Bảo vệ		100.000	
494	Nguyễn Huy	Huân	1948	Bảo vệ		100.000	
495	Tạ Ngọc	Phóng	1950	Bảo vệ		100.000	
496	Lê Văn	Thành	1956	Bảo vệ		100.000	
497	Nguyễn Văn	Duy	1956	Bảo vệ		100.000	
498	Phùng Xuân	Ngà	1953	Bảo vệ		100.000	
499	Nguyễn Đức	Năng	1961	Bảo vệ		100.000	
500	Nguyễn Đình	Sâm	1946	Bảo vệ		100.000	
501	Nguyễn Văn	Thiệp	1953	Bảo vệ		100.000	
502	Nguyễn Văn	Mui	1961	Bảo vệ		100.000	
503	Đặng Quang	ứng	1960	Bảo vệ		100.000	
504	Bùi Nho	Doãn	1964	Bảo vệ		100.000	
505	Nhữ Ngọc	Hùng	1966	Bảo vệ		100.000	
506	Lưu Quang	Hồng	1964	Bảo vệ		100.000	
507	Hoàng Văn	Việt	1955	Bảo vệ		100.000	
508	Bùi Văn	Đức	1970	Bảo vệ		100.000	
509	Phùng Minh	Đức	1963	Bảo vệ		100.000	
510	Lê Đức	Toàn	1974	Bảo vệ		100.000	
511	Đoàn Bảo	Trúc	1960	Bảo vệ		100.000	
512	Nguyễn Đức	Bằng	1975	Bảo vệ		100.000	
513	Võ Văn	Ngà	1964	Bảo vệ		100.000	
				Bảo vệ Total		2600.000	
514	Nguyễn Thị	Ngọt	1961	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
515	Ng Thị Thúy	Vinh	1959	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
516	Phan Thị Minh	Nguyệt	1951	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
517	Bùi Thị Kim	Ninh	1959	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
518	Nguyễn Văn	Đoàn	1956	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
519	Lê Thị Nhị	Hà	1970	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
520	Vũ Văn	Cường	1972	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
521	Trần Thị Yên	Thái	1977	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
522	Nguyễn Thị Như	Hoa	1975	Y tế - Nhà trẻ	Trạm Y tế	100.000	
523	Nguyễn Thị	Liểu	1958	Y tế - Nhà trẻ	Mẫu giáo	100.000	
524	Lê Thị	Thông	1963	Y tế - Nhà trẻ	Mẫu giáo	100.000	
525	Dương Thị	Tiến	1963	Y tế - Nhà trẻ	Mẫu giáo	100.000	
526	Nguyễn Thị	Xá	1963	Y tế - Nhà trẻ	Mẫu giáo	100.000	
527	Phạm Thị	Bắc	1957	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
528	Nguyễn Thị	Nga	1957	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
529	Trần Thị	Quế	1960	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
530	Lã Thị	Xuân	1961	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
531	Nguyễn Thị	Hương	1960	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
532	Vũ Thị	Thuần	1958	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
533	Trần Thị Ngọc	Hà	1963	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
534	Nguyễn Thị	Loan	1958	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
535	Đặng Văn	Chương	1960	Y tế - Nhà trẻ	Nhà trẻ	100.000	
				Y tế - Nhà trẻ Total		2200.000	

Số TT	Họ và tên		Năm sinh	Đơn vị	Tiền thưởng	Ký nhận
536	Lưu Tuấn	Lễ	1951	TT Thực nghiệm	100.000	
537	Lê Đức	Hùng	1959	TT Thực nghiệm	100.000	
538	Nguyễn Đăng	Hợp	1945	TT Thực nghiệm	100.000	
539	Hà Chuyên	Chính	1952	TT Thực nghiệm	100.000	
540	Đỗ Văn	Đại	1957	TT Thực nghiệm	100.000	
541	Phan Viết	Đồng	1957	TT Thực nghiệm	100.000	
542	Trần Thị	Tạ	1953	TT Thực nghiệm	100.000	
543	Cao Văn	Tấn	1955	TT Thực nghiệm	100.000	
544	Hoàng Thị	Xế	1958	TT Thực nghiệm	100.000	
545	Nguyễn Thị	My	1960	TT Thực nghiệm	100.000	
546	Lê Văn	Nhường	1958	TT Thực nghiệm	100.000	
547	Nguyễn Ngọc	Sơn	1957	TT Thực nghiệm	100.000	
548	Lương Thị	Vui	1957	TT Thực nghiệm	100.000	
549	Đào Văn	Dũng	1964	TT Thực nghiệm	100.000	
550	Hoàng Phi	Hùng	1964	TT Thực nghiệm	100.000	
551	Đỗ Thị	Hương	1961	TT Thực nghiệm	100.000	
552	Đào Thị	Kim	1961	TT Thực nghiệm	100.000	
553	Nguyễn Bá	Minh	1960	TT Thực nghiệm	100.000	
554	Nguyễn Đức	Minh	1963	TT Thực nghiệm	100.000	
555	Dương Văn	Sáng	1964	TT Thực nghiệm	100.000	
556	Lê Văn	Tính	1958	TT Thực nghiệm	100.000	
557	Trần Thị	Huệ	1965	TT Thực nghiệm	100.000	
558	Trần Thế	Hùng	1964	TT Thực nghiệm	100.000	
559	Nguyễn Thị	Khanh	1960	TT Thực nghiệm	100.000	
560	Nguyễn Thị Kim	Thông	1952	TT Thực nghiệm	100.000	
561	Đào Thị	Báu	1956	TT Thực nghiệm	100.000	
562	Trần Thị Lệ	Thuỷ	1961	TT Thực nghiệm	100.000	
563	Hoàng Đăng	Dũng	1976	TT Thực nghiệm	100.000	
				TT Thực nghiệm Total	2800.000	
564	Nguyễn Văn	Thế	1952	GD quốc phòng	100.000	
565	Hoàng Văn	Báu	1956	GD quốc phòng	100.000	
566	Chu Thanh	Bình		GD quốc phòng	100.000	
567	Nguyễn Văn	Mão		GD quốc phòng	100.000	
568	Nguyễn Thái	Quý		GD quốc phòng	100.000	
569	Nguyễn Văn	Tấn		GD quốc phòng	100.000	
570	Nguyễn Đức	Cung		GD quốc phòng	100.000	
				GD quốc phòng Total	700.000	
571	Bùi Văn	Gấm	1956	Trung tâm VAC	100.000	
				Trung tâm VAC Total	100.000	

Grand Total

57100.000

Tổng số: 571 người và năm một triệu một trăm ngàn đồng)

